TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2019/DS-ST
Ngày 05/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thủy; Ông Hoàng Văn Tính;

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hằng – Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm;

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý 63/2019/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (Phát hành thẻ tín dụng) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST - DS ngày 21/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A (Sau đây được gọi là A); Địa chỉ: Số 1, phường H, quận K, thành phố Hồ chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn T – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn văn L – Cán bộ Xử lí nợ; Địa chỉ: Số H, phường K, quận J, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1970; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 1, đường K, tổ dân phố H, phường D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Hiện không có nơi ở cố định; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2017 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn A trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4111133015770 ngày 13/05/2011 của ông H, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản của ông H ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 13/05/2011, A đồng ý cấp thẻ tín dụng số 4791 3825 2900 9091 cho ông H, chi tiết như sau: Hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: 36 tháng; Hình thức bảo đảm: Tín chấp; Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: Theo Bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 25/04/2012, A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của thẻ tín dụng số 4791 3825 2900 9091 sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 21/06/2019, ông H còn nợ A các khoản sau: Nợ gốc: 11.137.301 đồng (Gồm

10.000.000 đồng nợ gốc và 1.137.301 đồng là phí và lãi phát sinh trong kỳ nhập vào dư nợ gốc theo điều khoản 5.2 Bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ mà bên A và ông H đã thỏa thuận); Lãi quá hạn: 32.294.956 đồng; Tổng nợ:43.432.257đồng.

A đề nghị Tòa án: Buộc ông H trả cho A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 21/06/2019 là: 43.432.257 đồng; Ông H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của A, Giấy đề nghị cấp thẻ ngày 13/05/2011 đến ngày ông H trả hết nợ; Ông H phải trả nợ theo thứ tự sau: phí, các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn và vốn; Ông phải chịu mọi chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Vào ngày 05/4/2011, khi đó ông H có quan hệ tín dụng khác với A nên họ đề nghị cấp thẻ tín dụng cho ông vì ông là khách VIP nên được tặng thẻ. Ông H đã ký vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của A nhưng A không thẩm định điều kiện cấp thẻ, còn nói là tặng thẻ tín dụng cho ông H, hạn mức chỉ có 10.000.000 đồng. Việc A đòi ông H số tiền nợ gốc là 11.137.301 đồng và nợ lãi là 32.294.956 đồng, với tổng số tiền nợ là 43.432.257đồng, ông H không đồng ý.

Tại thời điểm năm 2011, hàng tháng ông H phải trả trả lãi cho A gần 40.000.000 đồng, do đó nếu như ông H biết phải trả số tiền trong thẻ tín dụng thì ông H đã trả ngay thời điểm đó, chứ không phải đến thời điểm này. A tự làm thẻ cho ông nói là tặng, bây giờ lại đòi tiền, nên ông không đồng ý. Ông H không có tài sản gì giá trị, không có công ăn việc làm, và nơi ở ổn định. Hiện ông H và gia đình đang ở tại vườn hoa Xã Đàn. Từ năm 2011 đến nay, A cũng không liên lạc với ông H để đòi số tiền 10.000.000 đồng đó. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho ông H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện : Đề nghị Tòa án buộc ông H trả cho A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 21/06/2019 là: 43.618.082 đồng, trong đó có 11.137.301 đồng nợ gốc (Bao gồm số tiền 9.525.000 đồng ông H rút ngày 27/12/2011, phí rút tiền là 384.000 đồng, còn lại là phí thường niên, lãi trong hạn và các khoản phí khác được nhập vào nợ gốc theo quy định của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A); Ông H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của A, Giấy đề nghị cấp thẻ ngày 13/05/2011 đến ngày ông H trả hết khoản nợ.

- Bị đơn : Bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên lời khai như trên và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Ông H chưa bao giờ sử dụng thẻ này, một lần ông đến A trả nợ định kỳ bị thiếu thì cán bộ thu nợ có bảo ông đưa thẻ để rút tiền trừ vào số nợ phải thanh toán cho A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc thụ lý bị chậm so với thời hạn luật định.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc ; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về lãi vì hết thời hiện khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Văn H là bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại tổ dân phố H, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội và hiện ông H không có nơi cư trú ổn định nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Quan hệ tín dụng giữa A và ông Đỗ Văn H: A là ngân hàng thương mại, được quyền phát hành thẻ tín dụng, ông H là cá nhân có nhu cầu sử dụng đã đề nghị A cấp thẻ tín dụng nên A đã cấp thẻ tín dụng, loại thẻ thanh toán quốc tế - thẻ VISA số 4791 3825 2900 9091 cho ông H. Quan hệ tín dụng giữa hai bên là hợp pháp.

2.2. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4111133015770 ngày 13/05/2011 của ông Đỗ Văn H đối với A và các văn bản của ông H ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng, A đã cấp thẻ tín dụng số 4791 3825 2900 9091 cho ông H với hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng, với thời hạn 36 tháng và được bảo đảm bằng tín chấp; Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: Theo Bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Ngày 29/12/2011, ông H rút 9.525.000 đồng và phí rút tiền là 384.000 đồng. Từ đó đến nay, ông H đã không thanh toán cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng nên ngày 25/04/2012, A đã chuyển toàn bộ số tiền còn thiếu của thẻ VISA số 4791 3825 2900 9091 nêu trên sang nợ quá hạn. A yêu cầu ông H thanh toán nợ gốc là 11.137.301 đồng (Gồm 10.000.000 đồng nợ gốc và 1.137.301 đồng là phí và lãi phát sinh trong kỳ nhập vào dư nợ gốc). Tuy nhiên, ông H rút 9.525.000 đồng, phí rút tiền là 384.000 đồng, tổng cộng là 9.909.000 đồng và 299.000 đồng phí thường niên được coi là số nợ gốc còn các khoản phí, lãi khác không thể nhập

vào dư nợ gốc nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu đòi nợ gốc của A là 10.208.000 đồng.

2.3. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: A yêu cầu ông H phải thanh toán số lãi quá hạn là 32.294.956 đồng kể từ thời điểm chuyển lãi quá hạn là ngày 25/04/2012. Từ thời điểm khoản nợ gốc của ông H bị quá hạn đến khi nộp đơn khởi kiện, A khai chỉ gọi điện cho ông H để yêu cầu ông H trả nợ, không có văn bản thể hiện có làm việc, có yêu cầu ông H thanh toán khoản nợ gốc trên với lí do là không biết ông H ở đâu, chỉ liên lạc được bằng điện thoại. Ông H khai kể từ năm 2011 đến nay, A không liên lạc hay làm việc với ông để đòi số tiền nợ từ thẻ tín dụng như A khởi kiện. Ngày 25/4/2012 được coi là ngày quyền và lợi ích của A bị xâm phạm, đến ngày 27/11/2017 A mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Theo Điều 159 Bộ luật tố tụng Dân sự 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011, Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện nên đình chỉ trả lại đơn khởi kiện cho A đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi.

2.4. Đối với yêu cầu của A là buộc ông H phải trả cho A các khoản nợ theo thứ tự sau: phí, các khoản phải trả khác, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn và vốn và phải chịu mọi chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là không có căn cứ nên không chấp nhận.

2.5. Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu được chấp nhận và phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ; Điều 159 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011; Các điều 147, 217, 218, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Đỗ Văn H .

2. Buộc ông Đỗ Văn H phải trả cho Ngân hàng A số tiền 10.208.000 đồng (Mười triệu, hai trăm linh tám nghìn đồng) nợ gốc theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế số 4111133015770 ngày 13/05/2011 của ông Đỗ Văn H với Ngân hàng A và các văn bản hai bên đã ký kết về việc sử dụng thẻ tín dụng số 4791 3825 2900 9091 do Ngân hàng A phát hành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn xin thi hành án của người bị hại đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, nếu bị cáo không bồi thường khoản tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi nợ lãi phát sinh từ số nợ gốc nêu trên của Ngân hàng A đối với ông Đỗ Văn H .

4. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

5. Về án phí: Ông Đỗ Văn H phải chịu 510.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A đã nộp 900.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AB/2015/0002691 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nên trả lại cho Ngân hàng A số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí.

6. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan